



zhòng shǐ zhī dì

众矢之的

noun phrase · target of public criticism

Example Sentences

Tā yīn wèi shuō cuò huà chéng le zhòng shǐ zhī dì
他因为说错话成了众矢之的。

He became the target of public criticism for
saying the wrong thing.

Nà ge zhèng cè ràng zhèng fǔ chéng le zhòng shǐ zhī dì
那个政策让政府成了众矢之的。

That policy made the government the target
of public criticism.

Trace each character, then write the word on your own.

众	众	众	众	众	众	众	众	众		
矢	矢	矢	矢	矢	矢	矢	矢			
之	之	之	之	之	之					
的	的	的	的	的	的	的	的	的	的	的